

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: ĐH KẾ TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 2 (ENGLISH FOR ACCOUNTING 2). **Mã số:**

2. Số tín chỉ: 02

3. Đối tượng: Sinh viên Đại học ngành Kế toán hệ Chính quy

4. Phân bổ thời gian:

Tên đơn vị tín chỉ	Phân bổ số tiết				
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập	Tổng
1	15	0	0	0	15
2	15	0	0	0	15

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên đã hoàn thành các học phần: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành 1

6. Mục tiêu học phần:

- Kiến thức: Cung cấp cho người học một lượng từ vựng, thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành kế toán.

- Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, nghe, nói, và viết Tiếng Anh giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận nguồn thông tin trong các lĩnh vực kinh tế trong môi trường quốc tế, đặc biệt là chuyên ngành kế toán.

- Thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc học Tiếng Anh, nâng cao các kỹ năng ngoại ngữ nhằm hỗ trợ cho việc học tập, nghiên cứu cũng như công việc sau này.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Học phần này giới thiệu cho sinh viên 10 đơn vị bài học với những kiến thức Tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành tài chính, kế toán thông qua các chủ đề bài học như: Kế toán, Các nguyên lý kế toán, Khấu hao tài sản, Bảng cân đối kế toán, Chỉ số tài chính, Hoạch toán chi phí, Tỷ giá hối đoái.

- Cung cấp cho học viên các từ vựng được sử dụng trong lĩnh vực kế toán cũng nhưng các cấu trúc đàm thoại và các kỹ năng được sử dụng trong môi trường kinh doanh quốc tế.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của nội dung chương trình do giảng viên trình bày ở trên lớp.

- Về các điều kiện khác: Tham gia thi kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần đầy đủ, đúng quy định; tham gia thực hiện các bài tập mà giảng viên yêu cầu; nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, thảo luận bài tập theo nhóm hoặc theo các yêu cầu của giảng viên; thu thập, xử lý thông tin tài liệu liên quan đến bài học từ các nguồn khác nhau; làm các bài tập ở nhà đã được cung cấp trong tài liệu bài giảng; thực hiện các yêu cầu khác của giảng viên tùy theo yêu cầu của từng bài học. Sinh viên cần khai thác triệt để các phương tiện như Internet, radio, laptop... trong việc học tập và rèn luyện kỹ năng nói, nghe, đọc, viết Tiếng Anh của mình.

9. Tài liệu học tập:

Tài liệu học tập chính:

[1] Ian M. (2003), *Professional English in Use – Finance*, Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo:

[1] Cotton D., Falvey D., Kent S. (2004), *Market Leader Pre-Intermediate Business English*, Cambridge University Press.

[2] Thieu Cao Xuan (2008), *English for Finance*, Nhà xuất bản Tài Chính.

[3] John Hughes (2004), *Business Focus*, Oxford University Press

[4] Bill M. (2002), *Business Vocabulary in Use*, Cambridge University Press.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm học phần được xác định dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học kỳ đối với học phần đó thông qua các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: Tinh thần thái độ trong lên lớp, thảo luận và kết quả của bài thu hoạch, kiểm tra thường xuyên, thi học phần..).

- Quy định các hình thức kiểm tra, thi:

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
Chuyên cần, thái độ			
1	- Tham gia trên lớp - Chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo từng yêu cầu cụ thể của giảng viên - Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu xây dựng bài.	- Quan sát, điểm danh - Đánh giá câu trả lời của sinh viên trong quá trình giảng dạy.	

Kiểm tra thường xuyên			
2	Tự nghiên cứu: - Liên hệ bài học với các kiến thức chuyên ngành đã được học bằng tiếng Việt, liên hệ thực tiễn. - Đọc các tài liệu kinh tế bằng Tiếng Anh, tình hình kinh tế đang diễn ra trên thế giới.	- Kiểm tra bài tập, bài chuẩn bị ở nhà. - Thường xuyên đặt câu hỏi liên quan đến thực tế và các kiến thức về các hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nước và trên thế giới.	
3	Hoạt động nhóm, thảo luận: - Thảo luận nhóm theo từng chủ đề, trình bày nội dung thảo luận của nhóm. - Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận.	- Khả năng trình bày trước lớp. - Số lượng và chất lượng đối với các câu hỏi được đặt ra cho các nhóm khác và nội dung câu trả lời của nhóm thuyết trình.	
4	Bài kiểm tra 1, 2	Bài kiểm tra trên lớp.	
5	Thi kết thúc học phần	Viết 60 phút	

11. Thang điểm:

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng được mô tả ở bảng sau:

Nội dung	Chuyên cần, thái độ	Kiểm tra giữa kỳ	Thi kết thúc học phần
Trọng số	5%	25%	70%

12. Nội dung chi tiết học phần:

UNIT 1: ACCOUNTING AND ACCOUNTANCY (3 periods)

1.1 Accounting

1.2 Auditing

1.3 Laws, rules and standards

UNIT 2: ACCOUNTING ASSUMPTIONS AND PRINCIPLES (3 periods)

2.1 Assumptions

2.2 Principles

UNIT 3: DEPRECIATION AND AMORTIZATION (3 periods)

- 3.1 Fixed assets
- 3.2 Valuation
- 3.3 Depreciation systems
- UNIT 4: THE BALANCE SHEET (3 periods)
 - 4.1 Assets, liabilities and capital
 - 4.2 Shareholders' equity
- UNIT 5: THE BALANCE SHEET 2: ASSETS (3 periods)
 - 5.1 Fixed and current assets
 - 5.2 Valuation
 - 5.3 Tangible and intangible assets
- UNIT 6: THE BALANCE SHEET 3: LIABILITIES (3 periods)
 - 6.1 Liabilities
 - 6.2 Accrued expenses
 - 6.3 Shareholders' equity on the balance sheet
- UNIT 7: THE OTHER FINANCIAL STATEMENTS (3 periods)
 - 7.1 The profit and loss account
 - 7.2 The cash flow statement
- UNIT 8: THE FINANCIAL RATIOS (3 periods)
 - 8.1 Types of financial ratio
 - 8.2 Liquidity and solvency ratios
 - 8.3 Earnings and dividends
 - 8.4 Profitability
- UNIT 9: COST ACCOUNTING (3 periods)
 - 9.1 Direct and indirect costs
 - 9.2 Fixed and variable costs
 - 9.3 Breakeven analysis
- UNIT 10: EXCHANGE RATES (3 periods)
 - 10.1 Why exchange rates change
 - 10.2 Fixed and floating rates
 - 10.3 Government intervention

Quảng Bình, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Hoàng Dương Hùng